****

**PHIẾU HỎI DOANH NGHIỆP**

*(Phục vụ Bảng xếp hạng Top 10 Công ty Thức ăn chăn nuôi uy tín năm 2021)*

Vietnam Report cam kết phiếu điều tra chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu, không công bố những thông tin công ty cung cấp theo đúng quy chế bảo mật thông tin.

Kính đề nghị Quý Doanh nghiệp điền đầy đủ thông tin và gửi về cho Vietnam Report **trước 17h ngày 30/11/2021.**

Trân trọng cảm ơn!

**THÔNG TIN NGƯỜI ĐIỀN PHIẾU**

Họ và tên: ………………………………………………………………………………………….…………

Bộ phận làm việc: ……………………………………………………………………………………………

Số điện thoại liên lạc: ……………………………………………………………………………………….

Email:………………………………………………………………………………….…………………….

|  |
| --- |
| PHẦN I: THÔNG TIN DOANH NGHIỆP |

1. **Tên Công ty:** …………………………………………………………………………………………….
2. **Mã số thuế:** …………………………………………………………………………………………........
3. **Năm thành lập:** ……………………………………………………………………………………........
4. **Loại hình hoạt động của Công ty:**

[ ]  Nhà nước

[ ]  Tư nhân trong nước

[ ]  Có vốn đầu tư nước ngoài chiếm trên 50%

1. **Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty** (vui lòng chọn lĩnh vực đóng góp vào doanh thu năm tài chính gần đây nhiều nhất)

[ ] Sản xuất và tiêu thụ con giống *(chiếm tỷ trọng …….% doanh thu)*

[ ] Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản *(chiếm tỷ trọng …….% doanh thu)*

[ ] Chế biến thực phẩm *(chiếm tỷ trọng ……% doanh thu)*

[ ] Khác (ghi rõ: ………………………………………….: *chiếm tỷ trọng…… % doanh thu*)

1. **Cơ cấu doanh thu lĩnh vực thức ăn chăn nuôi của Quý Doanh nghiệp hiện nay đến từ các dòng sản phẩm nào?**

[ ]  Thức ăn cho gia súc *(chiếm tỷ trọng ….% doanh thu)*

[ ]  Thức ăn cho gia cầm *(chiếm tỷ trọng ....% doanh thu)*

[ ]  Thức ăn cho thủy sản *(chiếm tỷ trọng ....% doanh thu)*

[ ]  Khác (ghi rõ…………………………………………………………………………………….)

1. **Quy mô thị trường:** Doanh nghiệp hiện có ……. cơ sở phân phối/ đại lý chính hãng.
2. **Thông tin tài chính của Công ty**

| **Chỉ tiêu** | **Năm 2020** | **Kế hoạch năm 2021** | **Thực hiện 9 tháng đầu năm 2021** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng tài sản (triệu đồng) |  |  |  |
| Vốn chủ sở hữu (triệu đồng) |  |  |  |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (triệu đồng)  |  |  |  |
| Tổng doanh thu (triệu đồng) (\*) |  |  |  |
| Giá vốn hàng bán (triệu đồng) |  |  |  |
| Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng) |  |  |  |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) |  |  |  |

*(\*) Tổng doanh thu được tính bằng tổng các khoản doanh thu thu về của Công ty (không bao gồm các khoản giảm trừ)*

|  |
| --- |
| PHẦN II: TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID -19 ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP  |

1. **Tác động của đại dịch Covid -19 trong năm 2021 đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thế nào?**

[ ] Tốt hơn nhiều

[ ] Tốt hơn một chút

[ ] Không ảnh hưởng

[ ] Xấu đi một chút

[ ] Xấu đi rất nhiều

1. **Năng lực hoạt động kinh doanh của Quý Doanh nghiệp hiện ước bằng bao nhiêu phần trăm so với trước đại dịch (Ước tính một cách tương đối về doanh thu, lợi nhuận, hoạt động SX-KD)?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Doanh thu** | **Lợi nhuận** | **Công suất hoạt động** | **Hiệu suất hoạt động nói chung** |
| Dưới 40% |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Từ 40% đến dưới 60% |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Từ 60% đến dưới 80% |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Từ 80% đến dưới 100% |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Từ 100% đến 120% |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Từ 120% đến 140% |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Trên 140% |[ ] [ ] [ ] [ ]

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, dự kiến mất khoảng bao lâu thì hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý DN có thể phục hồi được như trước đây? (Lợi nhuận, doanh thu, hoạt động SX-KD)?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Doanh thu** | **Lợi nhuận** | **Công suất hoạt động** | **Hiệu suất hoạt động nói chung** |
| Không rõ |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Nhiều hơn 18 tháng |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Từ 13 đến 18 tháng |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Từ 7 đến 12 tháng |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Khoảng 6 tháng |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Từ 3 đến 6 tháng  |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Từ 1 đến 3 tháng  |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Khoảng 1 tháng  |[ ] [ ] [ ] [ ]

1. **Quý Doanh nghiệp đã đã ưu tiên thực hiện các biện pháp nào dưới đây để ứng phó với đại dịch trong thời gian qua? (tối đa 5 biện pháp)**

|  |
| --- |
| [ ] Tăng cường tự động hóa trong sản xuất, đầu tư sửa chữa, nâng cấp, lắp mới các hệ thống máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. |
| [ ] Triển khai làm việc từ xa, áp dụng công nghệ vào quản lý  |
| [ ] Mở rộng chuỗi cung cung ứng & tìm kiếm thị trường mới |
| [ ]  Nhanh chóng tìm các chuỗi cung ứng mới để thay thế |
| [ ]  Tăng dự trữ hàng hóa và nguyên vật liệu thiết yếu |
| [ ]  Cắt giảm lao động |
| [ ] Tập huấn nâng cao chất lượng nhân sự, sản xuất |
| [ ] Cơ cấu lại các mặt hàng chiến lược của công ty |
| [ ] Tăng cường hoạt động quảng cáo sử dụng công nghệ số (mạng xã hội)  |
| [ ] Tăng cường hoạt động hậu mãi để gắn kết khách hàng |
| [ ] Tăng cường hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) |
| [ ] Thu hẹp quy mô doanh nghiệp và cắt giảm chi nhánh hoạt động |
| [ ]  Khác (vui lòng ghi rõ ………………………………………………………………………………..) |

1. **Giải pháp chính mà Quý doanh nghiệp thực hiện để đối phó với tình trạng thiếu hụt dòng tiền là gì? (Tối đa hai tùy chọn)**

|  |
| --- |
| [ ]  Vay từ các ngân hàng thương mại |
| [ ]  Vay của các công ty tài chính  |
| [ ]  Vay từ cá nhân |
| [ ]  Tăng vốn chủ sở hữu (thêm cổ đông mới hoặc tăng vốn của cổ đông cũ) |
| [ ]  Đàm phán với người cho vay |
| [ ]  Giảm chi phí hoạt động (ví dụ: sa thải và giảm lương) |
| [ ]  Không gặp vấn đề thiếu hụt dòng tiền  |
| [ ]  Khác (vui lòng ghi rõ ………………………………………………………………………………..) |

1. **Giải pháp chính mà Quý doanh nghiệp thực hiện để đối phó với tình trạng thiếu hụt nhân công là gì? (Tối đa hai tùy chọn)**

|  |
| --- |
| [ ]  Tăng lương và trợ cấp  |
| [ ]  Sử dụng thiết bị, phần mềm để giảm khối lượng công việc  |
| [ ]  Đặt hàng gia công  |
| [ ]  Thương lượng để chậm giao hàng  |
| [ ]  Không thiếu nhân công  |
| [ ]  Khác (vui lòng ghi rõ …………………………………………………………………………..) |

1. **Giải pháp chính mà Quý doanh nghiệp thực hiện để đối phó với sự thiếu hụt các yếu tố đầu vào như hàng hóa trung gian và nguyên liệu thô (tối đa hai tùy chọn)?**

|  |
| --- |
| [ ]  Đặt hàng gia công  |
| [ ]  Giảm công suất hoạt động  |
| [ ]  Tìm kiếm thêm nhà cung cấp mới  |
| [ ]  Thương lượng để chậm giao hàng  |
| [ ]  Không thiếu đầu vào  |
| [ ]  Khác (vui lòng ghi rõ ……………………………………………………………………………..) |

|  |
| --- |
| PHẦN III: TRIỂN VỌNG VÀ CHIẾN LƯỢC CỦA DOANH NGHIỆP TRONG THỜI KỲ “BÌNH THƯỜNG MỚI” |

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, triển vọng ngành Thức ăn chăn nuôi trong năm 2022 so với năm trước sẽ như thế nào?**

[ ] Tăng trưởng sẽ thấp hơn rất nhiều

[ ] Tăng trưởng sẽ thấp hơn một chút

[ ] Duy trì tốc độ tăng trưởng

[ ] Tăng trưởng khả quan, tốt hơn một chút

[ ] Tăng trưởng mạnh, tốt hơn nhiều

1. **Quý Doanh nghiệp dự báo thế nào về thay đổi trong nhu cầu khách hàng và lợi nhuận công ty trong ít nhất 6 tháng tới đây?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Không rõ** | **Giảm đi** | **Không thay đổi** | **Tăng lên** |
| Doanh thu |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Lợi nhuận |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm kinh doanh của DN nói chung |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm thức ăn cho lợn (heo) |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm thức ăn cho động vật nhai lại: trâu, bò…) |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm thức ăn cho gia cầm |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm thức ăn cho thủy sản |[ ] [ ] [ ] [ ]

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, yếu tố nào là rào cản với khả năng tăng trưởng của doanh nghiệp trong 12 tháng tới?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Không gặp thách thức** | **Thách thức nhỏ** | **Thách thức vừa phải** | **Thách thức lớn** |
| Thiếu hụt nguồn vốn để sản xuất, kinh doanh |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Đứt gãy chuỗi cung ứng trong sản xuất, kinh doanh |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Không triển khai được kế hoạch bán hàng |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Đảm bảo an toàn nơi làm việc |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Sự leo thang chi phí trong nguyên liệu thô và hậu cần |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Thiếu nhân lực để sản xuất, kinh doanh |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Tiếp cận khách hàng mới |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Chăm sóc khách hàng hiện tại |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Xây dựng hệ thống công nghệ quản lý và điều hành công việc |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Quản trị dòng tiền  |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Chi phí cho lưu thông vận chuyển hàng hóa |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Hoàn thành các hợp đồng đúng thời hạn |[ ] [ ] [ ] [ ]
| Khác (vui lòng ghi rõ………………………………...) |[ ] [ ] [ ] [ ]

1. **Quý Doanh nghiệp đánh giá thế nào về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đến việc thiết lập định hướng chiến lược tương lai trong thời kỳ bình thường mới?**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1****(Ít ảnh hưởng)** | **2** | **3** | **4** | **5****(Ảnh hưởng rất nhiều)** |
| **Yếu tố bên ngoài** |  |  |
| Khả năng hồi phục của nền kinh tế |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Bệnh dịch tả lợn Châu Phi (ASF) định hình thị trường xuất khẩu |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Sự biến động của thị trường TACN |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Nhu cầu và sở thích của người tiêu dùng thay đổi  |  |  |  |  |  |
| Cạnh tranh thị phần giữa các doanh nghiệp trong nước |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Hoạt động M&A/Sự gia nhập của các công ty nước ngoài |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Biến động giá nguyên vật liệu đầu vào |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Thời tiết, biến đổi khí hậu |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Chiến lược và chính sách phát triển ngành chăn nuôi của Chính phủ và địa phương |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Xu hướng và quy định phát triển chăn nuôi an toàn sinh học  |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| **Yếu tố bên trong** |  |  |
| Hoạt động Marketing của Doanh nghiệp |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Tiềm lực tài chính của doanh nghiệp |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Chất lượng nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Khả năng quản lý rủi ro trong doanh nghiệp |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Sự tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ và cải tiến quy trình vận hành |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Tốc độ ứng phó và sự thích nghi của doanh nghiệp |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Văn hóa và giá trị cốt lõi |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]

1. **Đánh giá về 5 áp lực cạnh tranh của Quý doanh nghiệp theo các yếu tố sau?**

| **Yếu tố** | **Thấp** | **Trung bình** | **Cao** |
| --- | --- | --- | --- |
| Sự cạnh tranh trong ngành |[ ] [ ] [ ]
| Đối thủ cạnh tranh tiềm năng |[ ] [ ] [ ]
| Quyền thương lượng của nhà cung ứng |[ ] [ ] [ ]
| Quyền thương lượng của khách hàng  |[ ] [ ] [ ]
| Sự đe dọa đến từ sản phẩm thay thế |[ ] [ ] [ ]

1. **Đánh giá của Quý Doanh nghiệp về mức độ triển khai các hoạt động dưới đây tại doanh nghiệp?**

|  | **Rất hạn chế** | **Hạn chế** | **Vừa phải** | **Chú trọng** | **Rất chú trọng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nghiên cứu thị trường, sản xuất ra các loại thức ăn chăn nuôi phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Chống hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Tăng cường chuyển giao công nghệ sản xuất nguyên liệu (mua bằng phát minh, sáng chế, hợp tác…) |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Nâng cấp, đầu tư nhà máy sản xuất đạt chuẩn quốc tế |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Tăng cường dự trữ hàng tồn kho |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Liên kết với hộ nông dân |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Liên minh giữa các đối tác không cạnh tranh (nhà cung cấp nguyên liệu, máy móc, nhà phân phối…)  |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Kiểm soát rủi ro về môi trường |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Kiểm soát rủi ro tài chính |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]
| Đánh giá năng lực nhà thuốc, đại lý để tối ưu hóa chính sách bán hàng |[ ] [ ] [ ] [ ] [ ]

1. **Đâu là yếu tố chính thúc đẩy việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của Quý Doanh nghiệp?** (tối đa 2 lựa chọn)

|  |
| --- |
| [ ] Việc triển khai chiến lược phát triển bền vững có thể nâng cao giá trị thương hiệu của doanh nghiệp |
| [ ]  Khách hàng của doanh nghiệp coi trọng các hành động phát triển bền vững có thể đạt được  |
| [ ] Chính phủ ban hành các quy định liên quan  |
| [ ]  Các nhà cung cấp của doanh nghiệp coi trọng các hành động phát triển bền vững |
| [ ]  Doanh nghiệp có thể xác định các rủi ro và cơ hội bằng cách thực hiện chiến lược phát triển bền vững  |
| [ ]  Những biến động bất ngờ từ thiên tai, dịch bệnh  |
| [ ]  Doanh nghiệp của chúng tôi chưa có ý định thực hiện mục tiêu phát triển bền vững  |
| [ ]  Khác (vui lòng ghi rõ………………………………………………………………………..) |

1. **Theo Quý Doanh nghiệp đâu là Top 5 giải pháp trọng tâm của doanh nghiệp trong thời kỳ bình thường tiếp theo?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trong ngắn hạn** | **Trong dài hạn** |
| Nghiên cứu các sản phẩm thức ăn chăn nuôi hữu cơ, đạt tiêu chuẩn chất lượng an toàn sinh học |[ ] [ ]
| Đầu tư máy móc và dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi tự động hóa, đạt tiêu chuẩn quốc tế |[ ] [ ]
| Tập trung xây dựng nhóm hàng chiến lược có doanh số lớn và lợi nhuận cao |[ ] [ ]
| Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu  |[ ] [ ]
| Thực hiện M&A, liên doanh với các doanh nghiệp nước ngoài |[ ] [ ]
| Tìm kiếm, đa dạng nhà cung cấp nguyên vật liệu với giá cạnh tranh |[ ] [ ]
| Phát triển tổ hợp mô hình an toàn sinh học 4F (Farm- Food- Feed- Fertilizer) |[ ] [ ]
| Cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý của công ty |[ ] [ ]
| Phát triển, mở rộng sản xuất và kênh phân phối |[ ] [ ]
| Hạ thấp chi phí |[ ] [ ]
| Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao |[ ] [ ]
| Thực hiện chiến lược phát triển bền vững, bảo vệ môi trường |[ ] [ ]
| Tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro tài chính, biến động giá và chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào |[ ] [ ]
| Khác (vui lòng ghi rõ: ……………………………………) |[ ] [ ]

1. **Trước ảnh hưởng của dịch, chính quyền các cấp và các tổ chức tài chính đã công bố các biện pháp cứu trợ, theo Quý doanh nghiệp chính sách nào là hiệu quả nhất? (Tối đa hai tùy chọn)**

|  |
| --- |
| [ ]  Giảm tiền chi phí điện, viễn thông, hậu cần, v.v. |
| [ ]  Giảm thuế suất, giảm, hoãn nộp thuế |
| [ ]  Giảm chi phí tài trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, gia hạn thời hạn cho vay hoặc xóa nợ một phần |
| [ ]  Tạm giảm tiền đóng bảo hiểm xã hội và hoàn trả bảo hiểm thất nghiệp đối với doanh nghiệp không sa thải nhân viên |
| [ ]  Tối ưu hóa dịch vụ hoàn thuế xuất khẩu |
| [ ]  Cung cấp chứng nhận "bất khả kháng" nhanh chóng để tránh vi phạm hợp đồng |
| [ ]  Giảm chi phí thuê đất  |
| [ ]  Đẩy nhanh và ưu tiên vắc xin Covid-19 cho khối doanh nghiệp |
| [ ]  Hỗ trợ tài chính cho người dân nhằm khôi phục sức mua hàng hóa |
| [ ]  Khác (ghi rõ…………………………………………………………………...................) |

1. **Theo Quý doanh nghiệp, đâu là Top 5 giải pháp mà Chính phủ nên chú trọng để hỗ trợ tốt nhất cho thị trường Thức ăn chăn nuôi (TACN) trong thời gian tới đây?**

|  |
| --- |
| [ ] Tăng thuế nhập khẩu các loại thịt lợn, gia cầm, v.v |
| [ ] Giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu sản xuất |
| [ ] Hỗ trợ kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh và phát triển đàn vật nuôi ở các địa phương  |
| [ ] Hỗ trợ doanh nghiệp và nông dân phát triển tổ hợp mô hình an toàn sinh học 4F (Farm- Food- Feed- Fertilizer) |
| [ ] Hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác đào tạo kỹ thuật và nghiên cứu sản xuất  |
| [ ] Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tránh tình trạng hàng giả, hàng nhái |
| [ ] Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi, đặc biệt với sản phẩm mới đưa ra thị trường bằng các tiêu chuẩn, quy chuẩn.  |
| [ ] Tổ chức quy hoạch và phát triển nguồn nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi |
| [ ] Nâng cao công tác thống kê, dự báo thị trường ngành chăn nuôi, cân đối sản lượng TACN trong nước với tốc độ phát triển của đàn gia súc, gia cầm |
| [ ] Rà soát, điều chỉnh mạng lưới cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước và khả năng xuất khẩu |
| [ ] Khuyến khích đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng cảng biển, kho bãi chuyên dùng phục vụ xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi. |
| [ ] Khác (ghi rõ…………………………………………………………………...................) |
|

|  |
| --- |
| PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ |

1. **Đánh giá tiến trình chuyển đổi số hiện nay của Quý doanh nghiệp?**

[ ]  Đang được triển khai trên quy mô [ ]  Đã triển khai một phần[ ]  Triển khai hạn chế[ ]  Củng cố hệ thống vận hành[ ]  Vẫn đang trong giai đoạn thiết kế [ ]  Hiện không có chiến lược chuyển đổi kỹ thuật số 1. **Chi phí cho quá trình chuyển đổi số tại Quý Doanh nghiệp?**

[ ]  Không thực hiện [ ]  Dưới 1% của tổng doanh thu [ ]  Từ 1% đến dưới 5% tổng doanh thu[ ]  Từ 5% đến dưới 10% tổng doanh thu [ ]  Từ 10% tổng doanh thu trở lên1. **Hiện nay, Quý Doanh nghiệp đang/dự kiến sẽ sử dụng những phương pháp, công cụ và công nghệ số nào để thúc đẩy chuyển đổi số hiệu quả?**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Rất Cao** | **Cao** | **Trung bình** | **Thấp** | **Rất thấp** |
| Nền tảng công nghệ di động | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Dữ liệu lớn (Big Data) | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Chatbots, voice | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Công cụ Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Tự động hóa quy trình bằng robot (RPA) | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Điện toán đám mây | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| IOT (Internet vạn vật) | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Blockchain | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Phân tích và khai thác hệ thống khách hàng qua hệ thống BI (Business Intelligence) | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Khác (vui lòng ghi rõ)……………………………................ | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |

1. **Các lĩnh vực hoạt động của Quý Doanh nghiệp đã áp dụng chuyển đổi số (Ứng dụng công nghệ và kỹ thuật số vào quá trình hoạt động kinh doanh) để thích ứng với đợt dịch vừa qua?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Không áp dụng** | **Áp dụng ít** | **Áp dụng nhiều** |
| Trong hoạt động bán hàng | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Trong hoạt động quảng cáo | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Trong hoạt động giao nhận hàng hóa (logistics) | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Trong hoạt động sản xuất | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Trong hoạt động mua hàng (đầu vào) | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Trong hoạt động chăm sóc khách hàng (hậu mãi) | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Trong hoạt động quản lý nhân sự | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Trong hoạt động tuyển dụng | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Trong điều hành hoạt động doanh nghiệp | [ ]  | [ ]  | [ ]  |

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, Top 3 khó khăn, rào cản Doanh nghiệp gặp phải khi tiếp cận và ứng dụng chuyển đổi số trong thời gian qua?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Không đồng ý** | **Đồng ý** | **Rất đồng ý** |
| Thiếu chiến lược xây dựng hệ thống công nghệ số hóa và sự hỗ trợ/lãnh đạo từ quản lý cấp cao | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Không đủ nguồn vốn đầu tư  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Không đủ nguồn nhân lực chất lượng cao | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Thiếu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trợ giúp chuyển đổi số | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Thiếu sự kết nối với hệ thống trường đại học để có hợp tác về chuyển đổi số | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Thiếu cơ sở hạ tầng công nghệ cơ bản | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Không đạt được sự thống nhất trong đội ngũ lãnh đạo về việc cần thực hiện CĐS | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Thiếu công cụ đảm bảo an ninh mạng và bảo mật dữ liệu | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Đối tác kinh doanh chưa sẵn sàng hợp tác về các giải pháp số | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Lo ngại mất kiểm soát về sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp | [ ]  | [ ]  | [ ]  |

1. **Dự đoán về quá trình chuyển đổi số trong cộng đồng doanh nghiệp trong thời gian tới?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Yếu** | **Trung bình** | **Mạnh** |
| Hoạt động kinh doanh dựa trên nền tảng về công nghệ thông tin  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Tích hợp công nghệ số trong quản trị nguồn nhân lực  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Ứng dụng việc phân tích dữ liệu lớn (Big data) trong kinh doanh | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Áp dụng chuyển đổi số trong hoạt động bán hàng | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Sử dụng số hóa trong bảo mật thông tin/lưu trữ hồ sơ, dữ liệu | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Phát triển, áp dụng các hệ thống hỗ trợ chuyển đổi số | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Công tác đào tạo nguồn nhân lực về chuyển đổi số  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |

 |

|  |
| --- |
| ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU TRONG NGÀNH |

1. **Theo đánh giá của Quý Doanh nghiệp, đâu là Công ty Thức ăn chăn nuôi tiêu biểu nhất trên thị trường Thức ăn chăn nuôi Việt Nam hiện nay?** (Xin vui lòng đánh số từ 1 – 10 doanh nghiệp trong danh sách dưới đây với thứ tự 1 là Công ty Thức ăn chăn nuôi mà Quý Công ty đánh giá tiêu biểu nhất)

**CÁC CÔNG TY THỨC ĂN CHĂN NUÔI TIÊU BIỂU NHẤT TẠI VIỆT NAM**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **TÊN DOANH NGHIỆP** |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY TNHH CARGILL VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM |
|  | TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN GREENFEED VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY TNHH DE HEUS |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAVIN |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG THỊNH PHÁT |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC PROCONCO |
|  | CÔNG TY TNHH GUYOMARC'H VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY TNHH THỨC ĂN GIA SÚC LÁI THIÊU |
|  | CÔNG TY TNHH THỨC ĂN CHĂN NUÔI HOA KỲ |
|  | CÔNG TY TNHH MTV THỨC ĂN THỦY SẢN MEKONG |
|  | CÔNG TY CP DINH DƯỠNG HỒNG HÀ |
|  | CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ |
|  | CÔNG TY TNHH CỎ MAY LAI VUNG |
|  | CÔNG TY TNHH VINA |
|  | CÔNG TY TNHH RUBY |
|  | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TIẾN ĐẠI PHÁT |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG |
|  | CÔNG TY TNHH NEW HOPE VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY CP THỨC ĂN THỦY SẢN HÙNG CÁ |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

*Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp!*